

Số: 78 /ĐHGD - ĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2016

THÔNG BÁO TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2016

Kính gửi:.....

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) và Hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2016 của ĐHQGHN được ban hành theo văn bản số: 134/ĐHQGHN-ĐT ngày 22 tháng 01 năm 2016. Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN thông báo tuyển sinh Sau đại học năm 2016, cụ thể như sau:

1. Các ngành tuyển sinh và thời gian thi tuyển sinh

Năm 2016, Trường Đại học Giáo dục tuyển sinh đào tạo 09 chuyên ngành thạc sĩ (dự kiến 350 chỉ tiêu), 03 chuyên ngành tiến sĩ (dự kiến 30 chỉ tiêu) với 2 đợt thi tuyển sinh như sau:

<i>TT</i>	<i>Tên ngành / chuyên ngành</i>	<i>Mã số</i>
I	Bậc Thạc sĩ	
1	Quản lý giáo dục	60 14 01 14
2	LL&PPDH bộ môn Toán	60 14 01 11
3	LL&PPDH bộ môn Vật lý	60 14 01 11
4	LL&PPDH bộ môn Hóa học	60 14 01 11
5	LL&PPDH bộ môn Sinh học	60 14 01 11
6	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn	60 14 01 11
7	LL&PPDH bộ môn Lịch sử	60 14 01 11
8	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên	Thí điểm
9	Đo lường và Đánh giá trong giáo dục	60 14 01 20
II	Bậc Tiến sĩ	
1	Quản lý giáo dục	62 14 01 14
2	Đo lường và Đánh giá trong giáo dục	62 14 01 20
3	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên	Thí điểm

Đợt 1. Thi tuyển vào các ngày 23 và 24/4/2016; tổ chức đánh giá hồ sơ chuyên môn (tuyển sinh đào tạo tiến sĩ) từ ngày 25/04 đến 9/05/2016.

Đợt 2. Thi tuyển vào các ngày 10 và 11/09/2016; tổ chức đánh giá hồ sơ chuyên môn (tuyển sinh đào tạo tiến sĩ) từ ngày 12/09 đến 26/09/2016.

Lịch tuyển sinh:

Công việc	Đợt 1	Đợt 2
Tập trung thí sinh	Sáng thứ Bảy, 23/04/2016	Sáng thứ Bảy, 10/09/2016
Bài thi Đánh giá năng lực	Chiều thứ Bảy, 23/04/2016	Chiều thứ Bảy, 10/09/2016
Thi môn Cơ sở	Sáng Chủ nhật, 24/04/2016	Sáng Chủ nhật, 11/09/2016
Thi môn Ngoại ngữ	Chiều Chủ nhật, 24/04/2016	Chiều Chủ nhật, 11/09/2016
Đánh giá hồ sơ chuyên môn	Từ ngày 25/04 đến 09/05/2016	Từ ngày 12/09 đến 26/09/2016

2. Thời gian đào tạo

- Thạc sĩ: Thời gian đào tạo chuẩn là 2 năm;
- Tiến sĩ: Thời gian đào tạo chuẩn đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm.

3. Đối tượng tuyển sinh

3.1. Đối tượng tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ

3.1.1. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

1. Đối tượng và điều kiện dự thi

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Toán học; hoặc
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Sư phạm Toán học (Sư phạm Toán – Lý (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, từ năm 2008 trở về trước); Toán học, Toán-Tin ứng dụng, Toán – Cơ, Toán ứng dụng, Thống kê) và đã học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Toán học;

Không tuyển sinh đối tượng có bằng đại học hệ từ xa.

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường	3
2	Giáo dục học	3
3	Lý luận và Công nghệ dạy học	3
4	Đánh giá trong giáo dục	3
5	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
	Tổng	15

3.1.2. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lí

1. Đối tượng và điều kiện dự thi

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lí phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Vật lí; hoặc

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Sư phạm Vật lí (Sư phạm Toán – Lý, Sư phạm Lý - Kỹ thuật Công nghiệp, Sư phạm Lý – Tin (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, từ năm 2008 trở về trước); Vật lí học, Vật lí kỹ thuật, Kỹ thuật hạt nhân, Công nghệ hạt nhân, Khoa học vật liệu) và đã học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Vật lí;

Không tuyển sinh đối tượng có bằng đại học hệ từ xa.

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường	3
2	Giáo dục học	3
3	Lý luận và Công nghệ dạy học	3
4	Đánh giá trong giáo dục	3
5	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
	Tổng	15

3.1.3. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học

1. Đối tượng và điều kiện dự thi

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Hóa học; hoặc
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Sư phạm Hóa học (Sư phạm Sinh - Hóa, Sư phạm Hóa – Sinh (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, từ năm 2008 trở về trước); Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hoá học; Kỹ thuật hoá học; Hóa dược) và đã học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Hóa học;

Không tuyển sinh đối tượng có bằng đại học hệ từ xa.

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường	3
2	Giáo dục học	3
3	Lý luận và Công nghệ dạy học	3
4	Đánh giá trong giáo dục	3
5	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
	Tổng	15

3.1.4. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học

1. Đối tượng và điều kiện dự thi

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Sinh học; hoặc
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Sư phạm Sinh học (Sư phạm Sinh - Hóa, Sư phạm Hóa – Sinh (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, từ năm 2008 trở về trước); Sinh học, Công nghệ Sinh học, Sinh học ứng dụng, Kỹ thuật sinh học) và đã học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Sinh học;

Không tuyển sinh đối tượng có bằng đại học hệ từ xa.

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường	3
2	Giáo dục học	3
3	Lý luận và Công nghệ dạy học	3
4	Đánh giá trong giáo dục	3
5	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
	Tổng	15

3.1.5. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử

1. Đối tượng và điều kiện dự thi

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Lịch sử; hoặc
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Sư phạm Lịch sử (Lịch sử, Việt Nam học, Bảo tàng học, Văn hoá học, Xã hội học, Chính trị học, Nhân học, Quan hệ quốc tế, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Lưu trữ học) và được học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Lịch sử;

Không tuyển sinh đối tượng có bằng đại học hệ từ xa.

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường	3
2	Giáo dục học	3
3	Lý luận và Công nghệ dạy học	3
4	Đánh giá trong giáo dục	3
5	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
	Tổng	15

3.1.6. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ Văn

1. Đối tượng và điều kiện dự thi

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Văn học; hoặc

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Sư phạm ngữ văn (Văn học, Ngôn ngữ học, Việt Nam học, Văn hóa học) và đã học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Ngữ văn;

Không tuyển sinh đối tượng có bằng đại học hệ từ xa.

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường	3
2	Giáo dục học	3
3	Lý luận và Công nghệ dạy học	3
4	Đánh giá trong giáo dục	3
5	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
	Tổng	15

3.1.7. Chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên

1. Đối tượng và điều kiện dự thi

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng (Tâm lý học) hoặc phù hợp (Tâm lý học giáo dục), hoặc

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Tâm lý học (Giáo dục học, Giáo dục công dân, Giáo dục tiểu học; Giáo dục mầm non; Giáo dục đặc biệt, Công tác xã hội; Xã hội học; Y tế công cộng, Y đa khoa, Y học dự phòng, Điều dưỡng, Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, Y học cổ truyền, ngành Nhân học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN; các ngành Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN) và đã học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành Tâm lý học;

Kinh nghiệm công tác: Những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Tâm lý học cần có ít nhất 1 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tâm lý, tâm thần.

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

+ Những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành tâm lý học phải hoàn thành việc bổ sung kiến thức như sau:

TT	Học phần	Số tín chỉ
I	Các học phần bắt buộc	13
1	Sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	3
2	Những vấn đề cơ bản của tâm lý học	4
3	Tâm lý học tham vấn	3
4	Tâm lý học lâm sàng đại cương	3
II	Các học phần tự chọn	12/30
5	Tâm lý học nhân cách	3
6	Tâm lý học lao động hướng nghiệp	3
7	Tâm lý học khác biệt	3
8	Giao tiếp trong quản lý kinh doanh	3
9	Tâm lý học học đường/giáo dục	3
10	Tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên	3
11	Tâm lý học gia đình	3
12	Đánh giá tâm lý	3
13	Tâm lý học giới	3
14	Tâm lý học phát triển	3
15	Tổng	25

Không tuyển sinh đối tượng có bằng đại học hệ từ xa.

3.1.8. Chuyên ngành Quản lý giáo dục

1. Đối tượng và điều kiện dự thi

- Đối tượng có bằng đại học ngành đúng (Quản lý giáo dục), ngành phù hợp (Giáo dục học) được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học;

- Đối với người có bằng đại học ngành gần (Phụ lục 1) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác; đối với người có bằng đại học ngành khác (Phụ lục 1) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi) trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; và đã hoặc đang giữ một trong các vị trí công tác sau đây:

+ Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hoặc tương đương trong các cơ sở giáo dục và đào tạo từ bậc học mầm non trở lên;

+ Trưởng khoa, phó trưởng khoa, tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn trong các cơ sở giáo dục và đào tạo (trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trường phổ thông, tiểu học, trung tâm giáo dục thường xuyên...);

+ Cán bộ quản lý công tác Đoàn, Đảng, Công đoàn trong các cơ sở giáo dục đào tạo;

+ Lãnh đạo, cán bộ quản lý và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh Quận/ Huyện, Sở/ Phòng

Giáo dục và Đào tạo; Phòng/ Ban chức năng của các cơ sở giáo dục đào tạo (trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục...);

Không tuyển sinh đối tượng có bằng đại học hệ từ xa.

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

+ Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Giáo dục học	3
2	Đại cương khoa học quản lý	3
3	Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục và nhà trường	3
4	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
	Tổng	12

+ Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Giáo dục học	3
2	Đại cương Khoa học quản lý	3
3	Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục và nhà trường	3
4	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
5	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường	3
6	Hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy Quản lý giáo dục	3
7	Phát triển nguồn nhân lực và quản lý tài chính, cơ sở vật chất trong giáo dục	3
	Tổng	21

3.1.9. Chuyên ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục

1. Đối tượng và điều kiện dự thi

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy;

- Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm công tác, cụ thể như sau:

+ Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên: có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục hoặc đo lường, đánh giá trong giáo dục tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi;

+ Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học chính quy dưới loại khá: có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục hoặc đo lường, đánh giá trong giáo dục tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi;

- Đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức (trừ trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành Khoa học giáo dục 521401, nhóm ngành Đào tạo giáo viên 521402, nhóm ngành Tâm lý học 523104);

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường	3
2	Giáo dục học	3
3	Lý luận và Công nghệ dạy học	3
4	Đánh giá trong giáo dục	3
5	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
6	Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục và nhà trường	3
7	Đại cương Khoa học quản lý	3
	Tổng	21

3.2. Đối tượng tuyển sinh đào tạo Tiến sĩ

3.2.1. Chuyên ngành Quản lý giáo dục

1. Về văn bằng và công trình đã công bố: Người dự thi phải đáp ứng đầy đủ một trong các nhóm điều kiện sau:

- Có bằng thạc sĩ định hướng nghiên cứu hoặc có luận văn với khối lượng từ 10 tín chỉ trở lên chuyên ngành Quản lý giáo dục;

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp hoặc bằng thạc sĩ theo định hướng thực hành chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành gần và có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển;

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần với chuyên quản lý giáo dục. Trường hợp này, thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển và phải học bổ túc kiến thức sau khi trúng tuyển đào tạo NCS chuyên ngành QLGD;

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục. Trường hợp này, thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển và phải dự tuyển theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sĩ;

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển;

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển và được công bố trên tạp chí khoa học của ĐHQGHN, các tạp chí khoa học có uy tín cấp quốc gia,

quốc tế hoặc trong các tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức.

Được giới thiệu từ ít nhất 2 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có một nhà khoa học nhận hướng dẫn luận án.

Có đề cương nghiên cứu, trong đó trình bày rõ lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo, mục tiêu nghiên cứu, kế hoạch thực hiện, những kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn về chuyên ngành của thí sinh dự thi.

2. Về thâm niên công tác:

Người dự thi phải có ít nhất 2 năm công tác (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi) trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, hiện đang đảm nhận một trong các vị trí công tác sau đây: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường từ bậc học mầm non trở lên; trưởng khoa, phó trưởng khoa, tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trường phổ thông; cán bộ quản lý công tác Đoàn, Đảng, Công đoàn trong các cơ sở giáo dục đào tạo; lãnh đạo, cán bộ quản lý và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh/quận/huyện, Sở/Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng/Ban chức năng, giáo vụ của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

3. Danh mục các chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần

- Chuyên ngành phù hợp: Giáo dục học

- Chuyên ngành gần: Sư phạm, các chuyên ngành liên quan đến giáo dục (Giáo dục đặc biệt, giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học...) và Quản lý Khoa học, công nghệ; Chính sách Khoa học công nghệ.

3.2.2. Chuyên ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục

1. Về văn bằng và công trình đã công bố: Người dự thi phải đáp ứng đầy đủ một trong các nhóm điều kiện sau:

+ Có bằng thạc sĩ chuyên ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục.

+ Có bằng thạc sĩ thuộc các chuyên ngành gần: Quản lý giáo dục, Tâm lý học, Xã hội học, Giáo dục học, Sư phạm các ngành... Trường hợp này thí sinh phải có ít nhất 02 bài báo khoa học có nội dung phù hợp với chuyên ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục, được công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

Được giới thiệu từ ít nhất 2 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có một nhà khoa học nhận hướng dẫn luận án.

Có đề cương nghiên cứu, trong đó trình bày rõ lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo, mục tiêu nghiên cứu, kế hoạch thực hiện, những kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn về chuyên ngành của thí sinh dự thi.

2. Về thâm niên công tác:

Người dự thi phải có ít nhất 02 năm công tác trong lĩnh vực giáo dục hoặc các lĩnh vực có liên quan đến đo lường đánh giá trong giáo dục (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).

3.2.3. Chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên

1. Về văn bằng và công trình công bố: Người dự thi phải đáp ứng đầy đủ một trong các nhóm điều kiện sau:

- Có bằng thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu hoặc có luận văn thạc sĩ với khối lượng từ 10 tín chỉ trở lên chuyên ngành đúng, hoặc phù hợp, hoặc gần với chuyên ngành TLHLSTE&VTN;

- Có bằng thạc sĩ theo định hướng thực hành chuyên ngành đúng, hoặc phù hợp, hoặc gần với chuyên ngành TLHLSTE&VTN và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển;

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần và có bằng cử nhân đại học chính quy ngành đúng/phù hợp với ngành Tâm lý học: thí sinh phải có 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực SKTT và có ít nhất một bài báo khoa học trên tạp chí khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.

- Có bằng thạc sĩ và có bằng cử nhân đại học hệ chính quy ngành khác: thí sinh có ít nhất 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực SKTT và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

- Có bằng cử nhân đại học hệ chính quy ngành đúng, loại giỏi trở lên: thí sinh có ít nhất 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực SKTT và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển; thí sinh phải dự tuyển theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sĩ;

- Có bằng cử nhân đại học hệ chính quy ngành đúng, loại khá: thí sinh có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực SKTT và có ít nhất ba bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển; thí sinh phải dự tuyển theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sĩ;

Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành TLHLSTE&VTN và được công bố trên tạp chí khoa học của ĐHQGHN, các tạp chí khoa học uy tín cấp quốc gia, hoặc quốc tế, hoặc trong tuyển tập công trình (có bình duyệt) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, hoặc quốc tế được xuất bản chính thức.

Được giới thiệu từ ít nhất 2 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có một nhà khoa học nhận hướng dẫn luận án.

Có đề cương nghiên cứu, trong đó trình bày rõ lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo, mục tiêu nghiên cứu, kế hoạch thực hiện, những kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn về chuyên ngành của thí sinh dự thi.

2. Về thâm niên công tác

Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất 2 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.

3. Danh mục các chuyên ngành gần: Tâm lý học

3.3. Thông tin về các hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh

Danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu kèm theo danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, số lượng nghiên cứu sinh có thể tiếp nhận theo từng hướng nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu được đăng tải trên website của Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN theo địa chỉ: <http://www.education.vnu.edu.vn>

4. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh đào tạo thạc sĩ

Những đối tượng sau được ưu tiên trong tuyển sinh:

4.1. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.2. Mức ưu tiên

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 15 điểm (thang điểm 150) cho môn thi đánh giá năng lực (môn cơ bản).

5. Môn thi tuyển

5.1. Tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ

Các môn thi tuyển sinh thạc sĩ gồm: môn thi ngoại ngữ, môn thi cơ bản và môn thi cơ sở.

- Môn ngoại ngữ: thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức.

- Môn thi cơ bản và môn thi cơ sở, cụ thể như sau:

STT	Chuyên ngành	Môn cơ bản	Môn cơ sở
1	LL&PPDH bộ môn Toán	Đánh giá năng lực (Khối ngành Khoa học Tự nhiên)	Lý luận dạy học
2	LL&PPDH bộ môn Vật lý		
3	LL&PPDH bộ môn Hóa học		
4	LL&PPDH bộ môn Sinh học		
5	Đo lường và đánh giá trong GD		
6	Quản lý giáo dục	Đánh giá năng lực (Khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn)	Giáo dục học
7	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn	Đánh giá năng lực (Khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn)	Lý luận dạy học
8	LL&PPDH bộ môn Lịch sử		
9	Tâm lý học lâm sàng Trẻ em và vị thành niên		
			Tâm lý học phát triển

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của đơn vị đào tạo thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo chất lượng cao của ĐHQGHN;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: bậc 3 đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuẩn ĐHQGHN, bậc 4 đối với chương trình thạc sĩ liên kết quốc tế do ĐHQGHN cấp bằng, bậc 5 đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuẩn quốc tế. Chứng chỉ có giá trị trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ và được cấp bởi cơ sở được ĐHQGHN công nhận (Phụ lục 2 và Phụ lục 3). Các Hội đồng tuyển sinh gửi các chứng chỉ ngoại ngữ do các tổ chức nước ngoài cấp của thí sinh về Trường Đại học Ngoại ngữ để được thẩm định tính xác thực của chứng chỉ trước khi công nhận tương đương (nếu cần).

5. 2. Tuyển sinh đào tạo Tiến sĩ

5.2.1. Chuyên ngành Quản lý giáo dục và chuyên ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục

- Đối tượng từ Thạc sĩ: Đánh giá hồ sơ chuyên môn.

- Đối tượng từ Cử nhân (chỉ áp dụng đối với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ Quản lý giáo dục): Kết hợp thi tuyển và đánh giá hồ sơ chuyên môn.

Môn thi: + Môn cơ bản: Đánh giá năng lực; + Môn cơ sở: Giáo dục học.

5.2.2. Chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng Trẻ em và vị thành niên

- Đối tượng từ Thạc sĩ: Đánh giá hồ sơ chuyên môn.
- Đối tượng từ Cử nhân: Kết hợp thi tuyển và đánh giá hồ sơ chuyên môn.
 - + Môn cơ bản: Đánh giá năng lực
 - + Môn cơ sở: Tâm lý học phát triển
 - + Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội

5.3. Yêu cầu về ngoại ngữ đối với người dự tuyển: Người dự tuyển (kể cả các chuyên tiếp sinh) phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây trước khi dự tuyển:

- Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày 31/03/2016 (đối với thí sinh dự tuyển đợt 1), đến ngày 20/08/2016 (đối với thí sinh dự tuyển đợt 2), được cấp bởi cơ sở được ĐHQGHN công nhận (Phụ lục 2 và Phụ lục 3). Các chứng chỉ ngoại ngữ do các tổ chức nước ngoài cấp của thí sinh sẽ được Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN thẩm định tính xác thực của chứng chỉ trước khi công nhận tương đương;

- Bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài.

6. Hồ sơ dự thi

6.1. Đối với tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ

- Phiếu đăng ký dự thi của cơ sở đào tạo (*theo mẫu*);
- Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học;
- Bản sao có công chứng Giấy xác nhận văn bằng (*đối với bằng đại học do nước ngoài cấp*) của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người dự thi cư trú, có dán ảnh và đóng dấu giáp lai vào ảnh (*thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ*);
- Công văn giới thiệu đi dự thi (*nếu có*) và xác nhận thâm niên công tác của Thủ trưởng cơ quan quản lý (*theo mẫu*);
- Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng, hoặc quyết định bổ nhiệm, hoặc hợp đồng lao động dài hạn chờ tuyển dụng (*có thời hạn theo quy định tuyển sinh*);
- Bản sao có công chứng các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (*nếu có*);
- Minh chứng được miễn thi môn ngoại ngữ (*nếu có*);
- Giấy chứng nhận sức khỏe của bệnh viện đa khoa (*thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ*);
- 04 phong bì có dán tem ghi địa chỉ của người dự thi;
- 02 ảnh 3 x 4 cm có ghi rõ họ và tên ngày tháng năm sinh và nơi sinh (tỉnh/thành phố) ở phía sau ảnh. Không nhận ảnh cỡ khác.

6.2. Đối với tuyển sinh đào tạo Tiến sĩ

- Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu.
- Bản sao công chứng bằng thạc sĩ và bảng điểm thạc sĩ; bằng đại học và bảng điểm đại học;
- Bản sao có công chứng Giấy xác nhận văn bằng (*đối với bằng đại học, bằng thạc sĩ do nước ngoài cấp*) của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Minh chứng về trình độ ngoại ngữ;
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi người dự thi cư trú, có dán ảnh và đóng dấu giáp lai vào ảnh (*thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ*);
- Công văn giới thiệu đi dự thi (*nếu có*) và xác nhận thâm niên công tác của Thủ trưởng cơ quan (*theo mẫu*).
- Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng, hoặc quyết định bổ nhiệm, hoặc hợp đồng lao động dài hạn chờ tuyển dụng (*có thời hạn theo quy định tuyển sinh*);
- Bản sao, chụp các bài báo khoa học đã công bố có nội dung phù hợp với chuyên ngành dự thi;
- Bài luận về dự định nghiên cứu của người dự thi nghiên cứu sinh: Cần trình bày rõ ràng về lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn đơn vị đào tạo, mục tiêu nghiên cứu, kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; giá trị khoa học và thực tiễn của vấn đề hoặc lĩnh vực nghiên cứu thông qua sự phù hợp với chuyên ngành đăng ký đào tạo, sự rõ ràng của mục tiêu nghiên cứu, triển vọng ứng dụng của kết quả nghiên cứu. Bài luận cũng cần nêu những kinh nghiệm, hiểu biết, kiến thức chuyên môn mà thí sinh đã chuẩn bị trong vấn đề hay lĩnh vực nghiên cứu.
- 02 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học giáo sư, phó giáo sư, hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành, trong đó có một nhà khoa học nhận sẽ làm cán bộ hướng dẫn luận án; trong thư giới thiệu cần có nhận xét, đánh giá về phẩm chất, năng lực nghiên cứu khoa học của thí sinh dự tuyển;
- Bản sao có công chứng các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (*nếu có*);
- Giấy chứng nhận sức khoẻ của bệnh viện đa khoa (*thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ*);
- 04 phong bì có dán tem ghi địa chỉ của người dự thi;

7. Lệ phí thi

7.1. Đối với tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ

- Lệ phí đăng kí hồ sơ dự thi: **60.000 đ/thí sinh.**
- Lệ phí dự thi: **360.000 đ/thí sinh** (*Thí sinh được miễn thi môn Ngoại ngữ nộp 310.000 đ/thí sinh*).

Các lệ phí này nộp cùng hồ sơ.

7.2. Đối với tuyển sinh đào tạo Tiến sĩ

- Lệ phí đăng kí hồ sơ dự thi: **60.000đ/thí sinh.**

- Lệ phí dự thi **200.000đ**/ thí sinh thi từ thạc sĩ, **440.000đ**/thí sinh thi từ cử nhân.
Các lệ phí này nộp cùng hồ sơ.

8. Thời gian phát hành và nhận hồ sơ

- Đợt 1: từ ngày 01/3/2016 đến 25/03/2016.
- Đợt 2 : từ ngày 18/7/2016 đến 15/8/2016.

Không phát hành và nhận hồ sơ vào các ngày nghỉ.

9. Nơi phát hành và nhận hồ sơ

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN.

Địa chỉ : Phòng 101, Nhà G7, 144 đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

ĐT: 0437.547.969.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ trực tiếp với Phòng Đào tạo, hoặc xem trên website của Trường: <http://www.education.vnu.edu.vn> .

10. Thời điểm công bố kết quả tuyển sinh

Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN thông báo kết quả thi cho các thí sinh dự thi trước ngày **13/05/2016** (đợt 1) và trước ngày **30/09/2016** (đợt 2).

Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, HĐTS SDH của Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN nhận đơn đề nghị phúc khảo của thí sinh dự thi.

12. Thời gian nhập học (dự kiến):

- Đợt 1: tháng 7 năm 2016;
- Đợt 2: tháng 12 năm 2016.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lê Kim Long

Phụ lục 1. Danh mục các ngành gần, ngành khác với ngành Quản lý giáo dục
 (Kèm theo Hướng dẫn số /HD-ĐHQGHN ngày 22 tháng 1 năm 2016 của Trường
 Đại học Giáo dục)

Ngành gần

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
521402	Các ngành thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên
52220342	Quản lý văn hoá
52310205	Quản lý nhà nước
52310401	Tâm lý học
52310403	Tâm lý học giáo dục
52340107	Quản trị khách sạn
52340109	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
52340401	Khoa học quản lý
52340404	Quản trị nhân lực
52340406	Quản trị văn phòng

Ghi chú: Các ngành gần bao gồm bằng cử nhân do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp được Bộ GD&ĐT công nhận tương đương.

Ngành khác

MÃ SỐ	TÊN NHÓM NGÀNH
	<i>Quản lý</i>
52220343	Quản lý thể dục thể thao
52340101	Quản trị kinh doanh
52340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
52340405	Hệ thống thông tin quản lý
52510601	Quản lý công nghiệp
52720701	Quản lý bệnh viện
52850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
52850103	Quản lý đất đai
52310205	Quản lý nhà nước
	Quản lý kinh tế
	<i>Nghệ thuật</i>
522101	Mỹ thuật
522102	Nghệ thuật trình diễn
522103	Nghệ thuật nghe nhìn

	Nhân văn
522201	Ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam
522202	Ngôn ngữ và văn hoá nước ngoài
522203	Nhân văn khác
	Khoa học xã hội và hành vi
523101	Kinh tế học
523102	Khoa học chính trị
523103	Xã hội học và Nhân học
523104	Tâm lý học
523105	Địa lý học
	Báo chí và thông tin
523201	Báo chí và truyền thông
523202	Thông tin - Thư viện
523203	Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng
523204	Xuất bản - Phát hành
	Kinh doanh và quản lý
523401	Kinh doanh
523402	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm
523403	Kế toán - Kiểm toán
523404	Quản trị - Quản lý
	Pháp luật
523801	Luật
	Khoa học tự nhiên
524401	Khoa học vật chất
524402	Khoa học trái đất
524403	Khoa học môi trường
	Khoa học sự sống
524201	Sinh học
524202	Sinh học ứng dụng
	Toán và thống kê
524601	Toán học
524602	Thống kê
	Máy tính và công nghệ thông tin
524801	Máy tính
524802	Công nghệ thông tin
	Công nghệ kỹ thuật

525101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng
525102	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
525103	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
525104	Công nghệ hoá học, vật liệu, luyện kim và môi trường
525106	Quản lý công nghiệp
	Kỹ thuật
525201	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật
525202	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
525203	Kỹ thuật hoá học, vật liệu, luyện kim và môi trường
525204	Vật lý kỹ thuật
525205	Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa
	Sản xuất và chế biến
525401	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống
525402	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da
525403	Sản xuất, chế biến khác
	Kiến trúc và xây dựng
525801	Kiến trúc và quy hoạch
525802	Xây dựng
525803	Quản lý xây dựng
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản
526201	Nông nghiệp
526202	Lâm nghiệp
526203	Thủy sản
	Sức khoẻ
527201	Y học
527202	Y học cổ truyền
527203	Dịch vụ y tế
527204	Dược học
527205	Điều dưỡng, hộ sinh
527206	Răng - Hàm - Mặt
527207	Quản lý bệnh viện
	Dịch vụ xã hội
527601	Công tác xã hội
	Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân
528102	Khách sạn, nhà hàng
528105	Kinh tế gia đình

	<i>Dịch vụ vận tải</i>
528401	Khai thác vận tải
	<i>Môi trường và bảo vệ môi trường</i>
528501	Kiểm soát và bảo vệ môi trường
528502	Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp
	<i>An ninh, quốc phòng</i>
528601	An ninh và trật tự xã hội
528602	Quân sự

Ghi chú: Các ngành gần bao gồm bằng cử nhân do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp được Bộ GD&ĐT công nhận tương đương.

Phụ lục 2 – Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương cấp độ 3/6 khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-ĐHQGHN ngày 22 tháng 1 năm 2016 của Trường Đại học Giáo dục)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số thứ tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
Cấp độ 3	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Đại học Quốc gia Hà Nội cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phụ lục 3 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học tại ĐHQGHN

(Kèm theo Thông báo số /ĐHGD-ĐT, ngày 22 tháng 1 năm 2016 của Trường Đại học Giáo dục)

1. Chứng chỉ B1

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ B1 được công nhận				
		Tiếng Anh	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	√	√			
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế	√	√	√	√	
4.	Trường ĐH SP TP Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5.	Trường Đại học Hà Nội	√	√	√	√	√

2. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam PET	BEC Preliminary	BULATS
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√			
2.	British Council (BC)	√					
3.	International Development Program (IDP)	√					
4.	Cambridge ESOL	√			√	√	√

3. Một số thứ tiếng khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận				
		tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật

		TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4
1.	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga	√				
2.	Trung tâm Văn hóa Pháp		√			
3.	Viện Goethe Việt Nam			√		
4.	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				√	
5.	Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản					√

end

VI HOC